

Bản án số: 403/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 734/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 309/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 1 P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thành Q, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Căn hộ B Tầng E, K; chung cư K - số C T, phường T, quận T, TP ..

(Bà T có đơn đề nghị vắng mặt; ông Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Võ Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q tự nguyện kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 204/2003, quyển số 02 ngày 04/8/2003.

Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc. Hai bên đã cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không còn cách nào cứu vãn. Do đó, nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

- Về quan hệ con chung: Bà T khai có 02 con chung tên Võ Hoàng D, sinh ngày 09/11/2010 và Võ Quang H, sinh ngày 22/5/2005. Khi ly hôn, bà đề nghị trực tiếp nuôi con chung tên Võ Hoàng D, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Võ Quang H đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà T khai tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 204/2003, quyển số 02 ngày 04/8/2003 cấp tại Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bị đơn đang cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, từ đó cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai bên đã cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không còn cách nào cứu vãn. Bà T xác nhận không còn tình cảm với ông Q. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Q để tham gia phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do chính đáng, điều đó cho thấy ông Q hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Q đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Con chung là Võ Quang H, sinh ngày 22/5/2005 đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên Võ Hoàng D, sinh ngày 09/11/2010, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q không đến Tòa trình bày ý kiến về con chung nên không có cơ sở xem

xét. Do đó, yêu cầu về con chung của bà T là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của các con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà T khai tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T được ly hôn ông Võ Thanh Q1.

Quan hệ hôn nhân của bà Võ Thị Cẩm T và ông Võ Thanh Q1 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 204/2003, quyển số 02 ngày 04/8/2003 cấp tại Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày Bản án này của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng D, sinh ngày 09/11/2010 cho bà Võ Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Võ Thanh Q1 do bà Võ Thị Cẩm T không yêu cầu.

Đối với con chung tên Võ Quang H, sinh ngày 22/5/2005, đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên bà Võ Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Võ Thanh Q1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Võ Thị Cẩm T khai tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Cẩm T khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng do bà Võ Thị Cẩm T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2023/0006489 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Võ Thanh Q1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung